TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 617/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-12-2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Phượng

Bà Trương Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Ninh là Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 394/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 08 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 250/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1980 nơi cư trú: TĐA4, xã NT, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Ông Phan Triệu Ph, sinh năm 1979 nơi cư trú: Ấp BT, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang.

Bà H xin vắng mặt, ông Ph vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 08 năm 2018 và lời khai của bà Trần Thị H trình bày: Bà và ông Phan Triệu Ph kết hôn năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BM. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình, sống với

nhau rất hạnh Phúc. Ông Ph làm nghề tài xế lái xe, còn bà bán đồ ăn uống tại nhà. Đến năm 2013 ông Ph quan hệ trái gái không đưa tiền lo cho gia đình và không về nhà, giữa bà và gia đình chồng cũng có mâu thuẫn nhau. Từ đó, bà đưa con về quê sống với cha mẹ ruột đến nay hơn 05 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông Ph.

Bà và ông Ph có một con chung Phan Thanh T, sinh năm 2007 bà đang nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con. Bà và ông Ph không có tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Ph phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Bà H và ông Ph ly thân nhau hơn 5 năm. Cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Ông Ph không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án điều này chứng tỏ ông Ph không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu cho bà H được ly hôn ông Ph. Bà H và ông Ph có con chung Phan Thanh T, sinh năm 2007 từ khi vợ chồng ly thân đến nay bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng nên giao bà H được nuôi con chung. Bà H không yêu cầu nên không buộc ông Ph phải cấp dưỡng nuôi con. Bà H cho rằng không có tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà H là nguyên đơn cón đơn xin vắng mặt, ông Ph là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nôi dung giải quyết vụ án:

[2.1] Bà H và ông Ph kết hôn năm 2005 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 17/5/2005 của Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh Phc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bà H cho rằng ông Ph có quan hệ tình cảm với người khác, không còn chung sống với bà. Bà H đưa con về quê tỉnh Quảng Ngãi sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Ông Ph được Tòa án thông báo về yêu cầu xin ly hôn của bà H nhưng không có ý kiến trình bày.

Qua xác minh được đia phương không biết được mâu thuẫn của vợ chồng ông Ph và bà H.

Ông Ph và bà H là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình. Ông Ph và bà H chung sống với nhau được 08 năm rồi ly thân đến nay hơn 5 năm, cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn cho bà H được ly hôn ông Ph.

[2.2] Bà H và ông Ph có một con chung Phan Thanh T, sinh năm 2007 từ khi vợ chồng ly thân năm 2013 đến nay bà H là người trực tiếp nuôi con. Bà H là công nhân, thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con chung nên Hội đồng xét xử giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu nên không buộc ông Ph phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Bà H trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

Bà Trần Thị H được ly hôn ông Phan Triệu Ph.

Bà H và ông Ph có một con chung Phan Thanh T, sinh năm 2007 giao cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông Ph phải cấp dưỡng nuôi chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có quyền xem xét và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con và thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà H và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện ông Ph thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở ông Ph thực hiện quyền này.

Bà H trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002335 ngày 02 tháng 08 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Ph.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thế Văn